TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG H** **TỈNH PHÚ Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/DS-ST
Ngày: 20/12/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG H, TỈNH PHÚ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Tuyết Tr

Các Hội thẩm nhân dân: ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị T

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Huỳnh T – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y:*** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Th - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng chính sách xã hội Việt N; Địa chỉ: Tòa nhà CC5 khu bán đảo Linh Đ, Hoàng M, Hà N. Người đại diện ông Nguyễn Hiệp Quốc V – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đông H, có mặt.

- ***Bị đơn:*** ông Phạm Đắc Đ, sinh năm 1955, bà Dương Thị Minh Th, sinh năm 1957; Trú tại: khu phố 1, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Y, vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** bà Phạm Thị M, sinh năm 1991; Địa chỉ: khu phố 1, phường Hòa V, thị xã Đông H, tỉnh Phú Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/6/2023, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hiệp Quốc V - người đại diện được ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt N trình bày:*

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 23/10/2008, ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội Việt N vay vốn theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên số tiền 24.000.000đ, kỳ hạn 72 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng /lần, lãi suất

0,5%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, cho con gái là Phạm Thị M học tại Trường cao đẳng nghề Phú Y. Ngày 12/11/2008, Ngân hàng chỉ phê duyệt cho vay số tiền 18.000.000đ, lãi suất 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay 72 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 09/11/2014. Tuy nhiên tại phần theo dõi nợ vay, Ngân hàng chỉ giải ngân cho ông Đ, bà Th 02 lần vào các ngày 13/11/2008 và 20/02/2009, mỗi lần 3.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà Th trả được 1.000.000đ vào ngày 13/7/2017, số tiền gốc 5.000.000đ đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 11/6/2019. Đến ngày 13/3/2023, vợ chồng ông Đ trả thêm 1.000.000đ nợ gốc, từ đó đến nay không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết. Do đó nay nguyên đơn khởi kiện, buộc bị đơn ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trả toàn bộ số tiền còn nợ 5.696.128đ, trong đó nợ gốc 4.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 20/12/2023 là 1.696.128đ và khoản tiền lãi phát sinh đến ngày trả dứt điểm dư nợ.

** Bị đơn ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Người đại diện của nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M trả toàn bộ số tiền còn nợ 5.696.128đ *(năm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi tám đồng)*, trong đó nợ gốc 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*, nợ lãi tính đến ngày 20/12/2023 là 1.696.128đ *(một triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi tám đồng)* và khoản tiền lãi phát sinh đến ngày trả dứt điểm dư nợ.

+ Về án phí DSST: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M có nơi cư trú tại khu phố 1, phường Hòa V, thị xã Đông H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân thị xã Đông H thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về việc thực hiện Hợp đồng:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số HS63710401 ngày 23/10/2008, được phê duyệt ngày 12/11/2008 và Phần theo dõi nợ vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt N phòng giao dịch thị xã Đông H và ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[3.2] Theo nội dung của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ ngày 23/10/2008, được phê duyệt ngày 12/11/2008, phần theo dõi nợ vay và lời trình bày của đại diện nguyên đơn, có căn cứ xác định: ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th được Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, Phòng giao dịch thị xã Đông H phê duyệt cho vay số tiền 18.000.000đ kỳ hạn 72 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn 130% lãi suất khi cho vay - theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên cho con gái Phạm Thị M đang học tại Trường Cao đẳng nghề Phú Y. Thực tế Ngân hàng đã giải ngân cho bị đơn hai lần với số tiền 6.000.000đ, lần 01 vào ngày 13/11/2008 số tiền 3.000.000đ, lần 2 số tiền 3.000.000đ vào ngày 20/02/2009. Ông Đ, bà Th không trả đúng nợ như đã cam kết, ngày 13/7/2017 chỉ trả 1.000.000đ, số tiền gốc 5.000.000đ đã chuyển nợ quá hạn vào ngày 11/6/2019. Đến ngày 13/3/2023 bị đơn tiếp tục trả 1.000.000đ, đến nay còn nợ 4.000.000đ tiền gốc, tiền lãi từ ngày 11/6/2019 đến 13/3/2023 *(trên nợ gốc 5.000.000đ)* là 1.487.687đ, từ ngày 14/3/2023 đến ngày 20/12/2023 *(trên nợ gốc 4.000.000đ)* 208.441đ, do đó cần buộc bị đơn phải trả tổng cộng nợ gốc, lãi 5.696.128đ *(năm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mười tám đồng)* như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3.3] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị M là con của ông Đ, bà Th, được Trường cao đẳng nghề Phú Y xác nhận là sinh viên của nhà

trường vào ngày 02/10/2008, đủ điều kiện để nguyên đơn giải ngân cho vay theo chương trình cho vay học sinh, sinh viên. Do đó, cần buộc bà M cùng chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông Đ, bà Th là đúng quy định tại Điều 103 và 288 Bộ luật dân sự.

[3.4] Kể từ ngày 21/12/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc, ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và bà Phạm Thị M còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số HS63710401, phê duyệt ngày 12/11/2008 giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, Phòng giao dịch thị xã Đông H và ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tương đương 5% số tiền còn phải trả cho nguyên đơn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, buộc ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và bà Phạm Thị M phải trả số tiền 5.696.128đ *(năm triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi tám đồng)*, trong đó nợ gốc 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)*, nợ lãi tính đến ngày 20/12/2023 là 1.696.128đ *(một triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn một trăm hai mươi tám đồng)*.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 21/12/2023) cho đến khi trả xong nợ gốc, ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và bà Phạm Thị M còn phải trả lãi theo lãi suất thỏa thuận của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ số HS63710401, được phê duyệt ngày 12/11/2008 đã ký kết giữa các bên.

3. Về án phí DS-ST: ông Phạm Đắc Đ, bà Dương Thị Minh Th và bà Phạm Thị M phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Y;

- VKSND TX Đông H

,- THADS TX. Đông H;

- Người tham gia tố tụng;

- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tuyết Tr